

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT03072: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 1 – THỰC TẬP ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ
NGHIỆP (FIELD TRIP)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 4 (Lý thuyết: 0 – Thực hành: 4 - Tự học: 12)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Thực tập, thực tế ngoài trường: 60 tiết
- Giờ tự học: 180 tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Công nghệ môi trường, Hóa học, Quản lý môi trường, Sinh thái nông nghiệp và Vi sinh vật
 - Khoa: Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Ô nhiễm môi trường MT02001
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

Học phần đưa sinh viên đi trải nghiệm thực tế về các hoạt động quản lý và kiểm soát ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất, địa phương và khu bảo tồn thiên nhiên. Qua đó, sinh viên nhận thức thực trạng và những thử thách đối với công tác bảo vệ môi trường. Từ đó, xác định được định hướng ngành nghề trong quá trình học tập tiếp theo.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:

Kiến thức chung	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
-----------------	--

Kiến thức chuyên môn	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CDR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CDR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CDR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CDR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CDR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT											
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12
MT03072	Thực tập nghề nghiệp 1	P	P	I		I		P	P	P		P	I

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Nhận diện mối quan hệ giữa phát triển và các vấn đề môi trường, các hiện tượng ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.

K2	Mô tả chức năng của các thành phần trong hệ thống môi trường	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K3	Đánh giá mức độ ô nhiễm và suy giảm tài nguyên theo bộ TC/QC về lĩnh vực tài nguyên và môi trường	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
K4	Trình bày nguyên lý công nghệ của hệ thống xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí)	CDR5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng		
K5	Tổ chức nhóm và xây dựng kế hoạch	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
K6	Thu thập thông tin về môi trường, các vấn đề ô nhiễm trong thực tiễn	CDR9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
K7	Lập báo cáo khảo sát	CDR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Thái độ		
K8	Nhận thức đúng tầm quan trọng của ngành nghề	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
K9	Hình thành định hướng nghề nghiệp	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT03072. Thực tập nghề nghiệp 1 (Environmental awareness: Practice) (4TC: 0 – 4 – 12, 180).

Học phần thực tập NN 1 được tổ chức như sau: Sinh viên được thực tập tại Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Địa điểm thực tập gồm: Vườn Quốc Gia Ba Vì, các công ty, trang trại chăn nuôi đóng trên địa bàn. Sinh viên được tổ chức hoạt động kiến tập theo nhóm (5 sinh viên/ giảng viên). Sinh viên thực hiện kiến tập 2 tuần tại địa điểm thực tập theo hướng dẫn gắn các nội dung thực tập liên quan tới lĩnh vực thuộc ngành khoa học Môi trường bao gồm: quản lý nhà nước về môi trường, quản lý tài nguyên, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, mô hình quản lý môi trường và

tài nguyên... Kết thúc đợt kiến tập, sinh viên được giảng viên và bộ môn phụ trách đánh giá về thái độ tham dự và báo cáo tổng kết của nhóm.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Lập kế hoạch kiến tập
- Phổ biến kế hoạch thăm quan với sinh viên
- Phổ biến yêu cầu đạt được của môn học và các đánh giá
- Liên hệ các địa điểm, phương tiện cần thiết phục vụ kiến tập

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên thăm quan và thực hiện các yêu cầu của giảng viên hướng dẫn
- Sinh viên thăm quan lắng nghe người hướng dẫn tại công ty, cơ quan quản lý nhà nước thuyết trình và đặt câu hỏi liên quan
- Sinh viên thực hiện hoạt động khảo sát thực tế theo nhóm
- Sinh viên làm báo cáo tổng hợp về chuyến thực tế

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự chuyến thăm quan thực tế 100% thời gian
- Chuẩn bị nội dung bài báo cáo: Sinh viên phải nghe giảng viên hướng dẫn yêu cầu của việc viết báo cáo để định hướng các quan sát và ghi nhận thông tin khi đi thăm quan
- Tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi ý kiến thắc mắc khi đi thăm quan tại cơ sở.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Rubric 1: Đánh giá thái độ tham dự - 40%
- Rubric 2: Đánh giá báo cáo tổng kết – 60%

3. Các rubric đánh giá

Rubric 1: Đánh giá thái độ tham dự

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ thực tập	50	Thực hiện đúng và đầy đủ các nhiệm vụ của SV thực tập	Thực hiện khá nghiêm túc các nhiệm vụ của SV thực tập, còn 1 sai sót	Thực hiện tương đối nghiêm túc các nhiệm vụ của SV thực tập, còn 2 sai sót	Thực hiện rất ít/không nghiêm túc các nhiệm vụ của SV thực tập, còn 3 sai sót
	20	Chủ động đặt câu hỏi	Khá chủ động đặt câu hỏi	Ít chủ động đặt câu hỏi	Không đặt câu hỏi
Thời gian tham dự	30	Tham dự mỗi buổi thực tập tại học viện và cơ sở là 5% và không được vắng trên 25% tổng số buổi			

Rubric 2. Đánh giá Báo cáo tổng kết

<i>Tiêu chí</i>		<i>Trọng số %</i>	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	20	Nhận diện các vấn đề môi trường tại cơ sở thực tập phù hợp với khoa học	Khá phù hợp với khoa học	Tương đối phù hợp với khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Hơn 2 điểm không phù hợp với khoa học
		20	Mô tả/Trình bày phù hợp mối liên hệ các thành phần trong hệ thống môi trường / quy trình xử lý	Mô tả khá phù hợp mối liên hệ	Mô tả tương đối phù hợp trường	Mô tả không phù hợp
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing câu thả

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Nguyễn Thanh Lâm (2012). Bài giảng phương pháp nghiên cứu môi trường. NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
2. Trịnh Quang Huy. Bài giảng Quan trắc môi trường.
3. Nguyễn Xuân Thành. Giáo trình Công nghệ sinh học xử lý môi trường.
4. Đoàn Văn Điềm và cộng sự (2011). Giáo trình Tài nguyên thiên nhiên. NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Các báo cáo tổng kết, báo cáo hiện trạng môi trường tại cơ sở thực tập giáo trình.
2. Các quy trình hướng dẫn sử dụng trong phòng thí nghiệm, cơ sở xử lý chất thải, các quy trình vận hành.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Căn cứ vào nội dung và yêu cầu của đợt thực tập nghề nghiệp, sinh viên thực hiện các nội dung theo đề cương được xây dựng đối với từng khóa của bộ môn chủ quản theo các nhóm vấn đề:

Tuần	Nội dung
1	Phổ biến nội dung thực tập, xây dựng kế hoạch thực tập (Ngày 1) <ul style="list-style-type: none">• Xây dựng phiếu khảo sát công nghệ• Xây dựng phiếu khảo sát mô hình quản lý
	Tìm hiểu hệ thống quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường Huyện Ba Vì (2 ngày) <ul style="list-style-type: none">- Mô tả được chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức;- Tìm hiểu những thành tựu và khó khăn của hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường nói trên tại địa điểm thực tập;- Mô tả các thành phần môi trường của địa phương
	Tìm hiểu hệ thống quản lý tài nguyên rừng Vườn Quốc Gia Ba Vì (3 ngày) <ul style="list-style-type: none">- Mô tả thực trạng tài nguyên- Mô tả lát cắt sinh thái
2	Tham quan cơ sở sản xuất và xử lý chất thải của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Ba Vì (3 ngày) <ul style="list-style-type: none">- Tiến hành khảo sát- Viết thu hoạch về kết quả khảo sát
	Thực hành xử lý chất thải chăn nuôi (4 ngày) <ul style="list-style-type: none">- Tiến hành khảo sát- Viết thu hoạch về kết quả khảo sát
	Viết báo cáo tổng kết thực tập theo hướng dẫn (1 ngày)

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính, projector, bảng
- Các phương tiện khác: Bảng hỏi, giấy A0, bút màu, GPS

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2016
- Lần 2: 7/ 2017
- Lần 2: 7/ 2018
- Lần 4: 7/ 2019

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. NGÔ THẾ ÂN

TS. TRỊNH QUANG HUY

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trịnh Quang Huy	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: BM Công nghệ môi trường, khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0989.801.210
Email: tqhuy@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email và điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tú	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: BM Công nghệ môi trường, khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0903.251.369
Email: nguyenngoctu@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email và điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đinh Thị Hải Vân	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: BM Quản lý môi trường, khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0936.953.333
Email: dingthihaivan@gmail.com	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email và điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Yên	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Sinh thái Nông nghiệp, khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 01298575381
Email: ntbyen@vnua.edu.com	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email và điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: BM Hóa học, khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0983.604.635
Email: nthhanh@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email và điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đinh Thị Hồng Duyên	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: BM Vi sinh vật, khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0943.300.888
Email: dhduyen@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email và điện thoại	